

Số: 04/QĐ-THCSQT

Quán Toan, ngày 15 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thuộc;

Xét đề nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của trường THCS Quán Toan (Kèm theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) kế toán, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Duyên

Quán Toan, ngày 15 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023

Hôm nay, vào hồi 15h00' ngày 15 tháng 01 năm 2023.

Tại: Trường THCS Quán Toan

Trường đã tiến hành tổ chức công khai niêm yết theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ tại bảng công khai của nhà trường

I. Thành phần lập biên bản, gồm:

1. Bà Phạm Thị Duyên - Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Chà - Phó bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng
3. Ông Nguyễn Văn Thiệu - Trưởng ban Đại diện CMHS
4. Ông Trương Văn Hải - Chủ tịch Công đoàn
5. Ông Nguyễn Thế Tuấn - Trưởng ban TTND
6. Bà Vũ Thị Lanh - Thư ký
7. Bà Đỗ Thị Minh Hiền - Kế toán

II. Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thuộc quận.

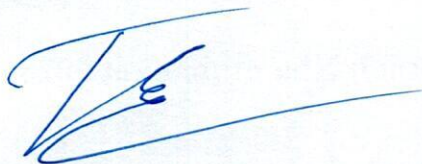
Căn cứ Quyết định số ~~041~~/QĐ-THQT ngày 15/01/2023 của Trường THCS Quán Toan về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023.

Trường THCS Quán Toan tiến hành niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 bằng hình thức Niêm yết tại bảng tin trường THCS Quán Toan cho CBGVNV trong trường, phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn phường được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

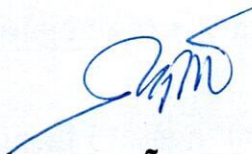
Biên bản lập xong hồi 15h30' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

BAN ĐẠI DIỆN CMHS



Nguyễn Văn Thiệu

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Chà

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Trương Văn Hải

KẾ TOÁN



Đỗ Thị Minh Hiền

TRƯỞNG BAN TTND



Nguyễn Thế Tuấn

Thư ký HĐT



Vũ Thị Lan

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-THCSQT ngày 15/01/2023 của Hiệu trưởng trường THCS Quán Toan)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	526.164
1,2	Mức thu	
1,3	Tổng số thu trong năm	835.452
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.361.616
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.361.616
1,6	Số chi trong năm	1.361.616
	Trong đó: - Bổ sung chi lương 100%	1.182.886
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	86.000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	78.000
	- Chi khác	14.730
1,7	Số dư cuối năm	
1,8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
4	Học thêm, học nghề	
4.1	Học thêm	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	150.690
4.1.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	3.830.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.980.690
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	3.966.748
4.1.6	Số chi trong năm	3.980.690
	- 2% nộp thuế TNDN	76.600
	- 70% phần còn lại giáo viên dạy	2.627.380
	- 13% phần còn lại chi quản lý tại trường	487.942
	- 9% CSVC, chuyên môn	431.195
	- 8% Phúc lợi, khen thưởng	357.573
4.1.7	Số dư cuối năm	
4.2	Học nghề	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	8.442
4.2.2	Mức thu:	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	63.840
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	72.282
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	72.282
4.2.6	Số chi trong năm	72.282
	Trong đó: - Chi sửa chữa, tăng cường CSVC	

4.2.7	Số dư cuối năm	
5	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
5.1	Tài trợ giáo dục	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	4.370
5.1.2	Tổng số thu trong năm	
5.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
5.1.5	Số chi trong năm	4.200
	Trong đó: - Sách, tài liệu cho học sinh học tiếng Hàn	
	- Hỗ trợ trợ giảng cho giao viên người Hàn	4.200
5.1.6	Số dư cuối năm	170
6	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	Trông xe	
6.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	11.702
6.1.2	Mức thu : 30.000/xe đạp/tháng; 50.000đ/xe đạp điện/tháng	
6.1.3	Tổng số thu trong năm	93.500
6.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	105.202
6.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	101.670
6.1.6	Số chi trong năm	105.202
	Trong đó:	
	- 10% nộp thuế	9.350
	- 10% Chi hỗ trợ cơ sở vật chất, phục vụ trực tiếp coi xe	9.350
	- 80% chi trực tiếp cho người coi xe, hỗ trợ trông coi xe	74.800
	- Chi phúc lợi từ dư năm trước để lại	11.702
6.1.7	Số dư cuối năm	
7	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học, tiếng anh tự chọn...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
7.1	Tiếng Hàn	
7.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	3.890
7.1.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
7.1.3	Tổng số thu trong năm	120.960
7.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	124.850
7.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	124.850
7.1.6	Số chi trong năm	119.060
	Trong đó: - 80% trả tiết thừa, lên lớp chuyên đề	96.768
	- 10% chi quản lý tại trường	12.096
	- 18% chi chuyên môn, CSVC, các hoạt động HS lớp Hàn	
	- 2% nộp thuế TNDN	1.096
	- 10% chi phúc lợi	9.100
7.1.7	Số dư cuối năm	5.790

7.2	Giáo dục stem	
7.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	
7.2.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
7.2.3	Tổng số thu trong năm	101.612
7.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	101.612
7.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	101.612
7.2.6	Số chi trong năm	101.612
	Trong đó: - 90% trả tiết thừa, lên lớp chuyên đề	91.451
	- Chi quản lý tại trường	9.958
	- 2% nộp thuế TNDN	203
72.7	Số dư cuối năm	
7.3	Quý Đới	
7.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	8.157
7.3.2	Số học sinh: 1.017 HS	
7.3.3	Mức thu:	
7.3.4	Tổng thu	28.895
7.3.5	Đã chi	37.052
7.3.6	Dư	
II	Chi sự nghiệp	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1,1	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
1,2	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
	Chi quản lý hành chính	
2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2,1	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2,2	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
III	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
B	Nguồn ngân sách trong nước	
I	Chi quản lý hành chính	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,1	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	

	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.210.808
2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.767.046
2.1	Chi thanh toán cá nhân	4.156.872
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	420.000
	Chi mua sắm sửa chữa	85.000
	Chi khác	105.174
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	443.762
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	443.762
	Chi khác	
	Nguồn viện trợ	
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1	Dự án A	
1,1	Dự án B	
1,2	Nguồn vay nợ nước ngoài	
III	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1	Dự án A	
1,1	Dự án B	
1,2	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
C	Mức thu nhập của CBQL	
1	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
	Mức thu nhập của giáo viên	
2	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
D	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
1	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

Hồng Bàng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Minh Hiền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Duyên

Quán Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN

**V/v niêm yết công khai đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách
Nhà nước năm 2022**

Hôm nay, vào hồi 16h00' ngày 15 tháng 6 năm 2023

Tại: Trường THCS Quán Toan

Trường đã tiến hành tổ chức niêm yết công khai đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Nhà nước năm 2021 theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ tại bảng công khai của nhà trường và Website của nhà trường.

I. Thành phần lập biên bản, gồm:

1. Bà Phạm Thị Duyên - Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Chà - Phó bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng
3. Ông Nguyễn Văn Thiệu - Trưởng ban Đại diện CMHS
4. Ông Trương Văn Hải - Chủ tịch Công đoàn
5. Ông Nguyễn Thế Tuấn - Trưởng ban TTND
6. Bà Vũ Thị Lanh - Thư ký HĐT
7. Bà Đỗ Thị Minh Hiền - Kế toán

II. Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

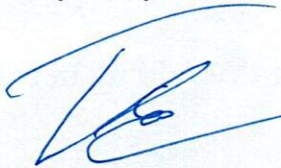
Căn cứ kèm theo quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND quận Hồng Bàng.

Trường THCS Quán Toan tiến hành niêm yết công khai đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Nhà nước năm 2022 bằng hình thức Niêm yết tại bảng tin trường THCS Quán Toan cho CBGVNV trong trường, phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn phường được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong 90 ngày, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

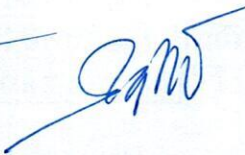
Biên bản lập xong hồi 16h30' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

BAN ĐẠI DIỆN CMHS



Nguyễn Văn Thiệu

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Chà

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Trương Văn Hải

KẾ TOÁN



Đỗ Thị Minh Hiền

TRƯỞNG BAN TTND



Nguyễn Thế Tuấn

THƯ KÝ HĐT



Vũ Thị Lan

QUYẾT TOÁN THU – CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-NH ngày...../ 6 /2023 của trường THCS Quán Toan)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	256.429			
1,2	Mức thu				
1,3	Tổng số thu trong năm	824.146			
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.080.574			
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	1.080.574			
1,6	Số chi trong năm	469.747			
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	87.608			
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	151.077			
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	160.950			
	- Chi khác	70.112			
1,7	Số dư cuối năm	610.827			
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD)				
1,8	Chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				
2	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>				
2,1	Dạy thêm học thêm				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	107.301			
2.1.2	Mức thu				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.644.416			
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.751.717			
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	2.737.775			
2.1.6	Số chi trong năm	2.601.029			
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo	1.814.069			

	viên phụ trách lớp học			
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	129.922		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	338.398		
	- Chi phúc lợi	216.577		
	- Chi khác:.....	49.173		
	- Nộp 2% thuế TNDN	52.889		
2.1.7	Số dư cuối năm	150.688		
2,2	Học nghề tin			
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang			
2.1.2	Mức thu			
2.1.3	Tổng số thu trong năm	28.440		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28.440		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	28.440		
2.1.6	Số chi trong năm	19.998		
	Trong đó: - Chi sửa chữa, tăng cường CSVC	19.998		
	- 100% hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy tin học			
2.1.7	Số dư cuối năm	8.442		
			
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)			
3,1	Tài trợ giáo dục			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	170		
3.1.2	Tổng số thu trong năm	44.000		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	44.170		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	44.000		
3.1.5	Số chi trong năm	39.800		
	Trong đó: - Sách, tài liệu cho học sinh học tiếng Hàn	31.400		
	- Hỗ trợ trợ giảng cho giáo viên người Hàn	8.400		
	-			
3.1.6	Số dư cuối năm	4.370		
			
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... <i>(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>			
4.1.	Trông giữ xe			
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	5.359		
4.1.2	Mức thu			
4.1.3	Tổng số thu trong năm	63.870		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	69.229		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	65.697		
4.1.6	Số chi trong năm	57.527		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	48.870		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	6.387		
	Chi khác:.....			

	- Chi phúc lợi			
	- Chi khác:.....	2.270		
4.1.7	Số dư cuối năm	11.702		
			
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện			
	<i>tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây</i>			
5.1	Tiếng Hàn			
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7.092		
5.1.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết			
5.1.3	Tổng số thu trong năm	82.280		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	89.372		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	89.372		
5.1.6	Số chi trong năm	85.480		
	Trong đó: - 80% trả tiết thừa, lên lớp chuyên đề	46.680		
	- 10% chi quản lý tại trường	12.173		
	- 18% chi chuyên môn, CSVC, các hoạt động HS lớp Hàn	16.431		
	- 2% nộp thuế TNDN	1.096		
	- 10% chi phúc lợi	9.100		
5.1.7	Số dư cuối năm	3.892		
			
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu			
	<i>thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>			
6.1	BHYT			
6.1.1	Số học sinh: 942 hs			
6.1.2	Mức thu: 563.220đ/hs/ năm			
6.1.3	Tổng thu	530.553		
6.1.4	Đã chi	530.553		
6.1.5	Dư			
6.2	Vòng tay bè bạn (quỹ đội)			
6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.707		
6.2.2	Số học sinh: 1.017 hs			
6.2.3	Mức thu: 10 đến 15 Kg giấy vụn/hs			
6.2.4	Tổng thu	28.895		
6.2.5	Đã chi	40.125		
6.2.6	Dư	1.477		
6.3	Nước uống học sinh			
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	15.050		
6.3.2	Số học sinh: 1.017 hs			
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng			

6.3.4	Tổng thu	77.280			
6.3.5	Đã chi	89.901			
6.3.6	Dư	2.429			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
6				
				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.890.438			
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.449.493			
	Chi thanh toán cá nhân	4.833.614			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	426.645			
	Chi mua sắm sửa chữa	72.270			
	Chi khác	116.964			
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.440.946			
	Chi thanh toán cá nhân	823.584			
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa	617.362			
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				

Quản Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Minh Hiền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Duyên

UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG THCS QUÁN TOAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/QĐ-THCSQT

Quán Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số liệu công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022 của trường THCS Quán Toan (Kèm theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) kế toán, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Duyên

Quán Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022

Hôm nay, vào hồi 15h00' ngày 15 tháng 6 năm 2023

Tại: Trường THCS Quán Toan

Trường đã tiến hành tổ chức công khai niêm yết theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ tại bảng công khai của nhà trường và Website của nhà trường.

I. Thành phần lập biên bản, gồm:

1. Bà Phạm Thị Duyên - Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Chà - Phó bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng
3. Ông Nguyễn Văn Thiệu - Trưởng ban Đại diện CMHS
4. Ông Trương Văn Hải - Chủ tịch Công đoàn
5. Ông Nguyễn Thế Tuấn - Trưởng ban TTND
6. Bà Vũ Thị Lanh - Thư ký HĐT
7. Bà Đỗ Thị Minh Hiền - Kế toán

II. Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

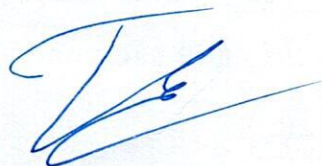
Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-THCSQT ngày 15/6/2023 của Trường THCS Quán Toan về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022.

Trường THCS Quán Toan tiến hành niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 2022 bằng hình thức niêm yết tại bảng tin trường THCS Quán Toan cho CBGVNV trong trường, phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn phường được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 15h30' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

BAN ĐẠI DIỆN CMHS



Nguyễn Văn Thiệu

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Chà

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Trương Văn Hải

KẾ TOÁN



Đỗ Thị Minh Hiền

TRƯỞNG BAN TTND



Nguyễn Thế Tuấn

THƯ KÝ HĐT



Vũ Thị Lan

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NĂM 2022⁽²⁾

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện(1)	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện(1) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	256,43	256,43	100%	
1,2	Mức thu				
1,3	Tổng số thu trong năm	824,15	824,15	100%	
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.080,57	1.081	100%	
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	1.080,57	1.081	100%	
1,6	Số chi trong năm	469,75	469,75	100%	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	87,61	87,61	100%	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	151,08	151,08	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	160,95	160,95	100%	
	- Chi khác	70,11	70,11	100%	
1,7	Số dư cuối năm	610,83	610,83	100%	
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD				
1,8	Chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				
2	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>				
2,1	Dạy thêm học thêm				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	107,30	107,30	100%	
2.1.2	Mức thu				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.644,42	2.644,42	100%	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.751,72	2.751,72	100%	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	2.737,77	2.737,77	100%	
2.1.6	Số chi trong năm	2.601,03	2.601,03	100%	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.814,07	1.814,07	100%	

	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	129,92	129,92	100%	
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	338,40	338,40	100%	
	- Chi phúc lợi	216,58	216,58	100%	
	- Chi khác:.....	49,17	49,17	100%	
	- Nộp 2% thuế TNDN	52,89	52,89	100%	
2.1.7	Số dư cuối năm	150,69	150,69	100%	
2,2	Học nghề tin				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	28,44	28,44	100%	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28,44	28,44	100%	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	28,44	28,44	100%	
2.1.6	Số chi trong năm	19,998	19,998	100%	
	Trong đó: - Chi sửa chữa, tăng cường CSVC	19,998	19,998	100%	
	- 100% hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy tin học				
2.1.7	Số dư cuối năm	8,442	8,442	100%	
				
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3,1	Tài trợ giáo dục				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0,17	0,17	100%	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	44,00	44,00	100%	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	44,17	44,17	100%	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	44,00	44,00	100%	
3.1.5	Số chi trong năm	39,80	39,80	100%	
	Trong đó: - Sách, tài liệu cho học sinh học tiếng Hàn	31,40	31,40	100%	
	- Hỗ trợ trợ giảng cho GV người Hàn	8,40	8,40	100%	
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm	4,37	4,37	100%	
				
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1.	Trông giữ xe				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	5,36	5,36	100%	
4.1.2	Mức thu				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	63,87	63,87	100%	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	69,23	69,23	100%	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	65,70	65,70	100%	

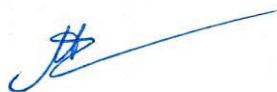
4.1.6	Số chi trong năm	57,53	57,53	100%	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	48,87	48,87	100%	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	6,39	6,39	100%	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....	2,27	2,27	100%	
4.1.7	Số dư cuối năm	11,70	11,70	100%	
				
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1	Tiếng Hàn				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7,09	7,09	100%	
5.1.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết				
5.1.3	Tổng số thu trong năm	82,28	82,28	100%	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	89,37	89,37	100%	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	89,37	89,37	100%	
5.1.6	Số chi trong năm	85,48	85,48	100%	
	Trong đó: - 80% trả tiết thừa, lên lớp chuyên đề	46,68	46,68	100%	
	- 10% chi quản lý tại trường	12,17	12,17	100%	
	- 18% chi chuyên môn, CSVC, các hoạt động HS lớp Hàn	16,43	16,43	100%	
	- 2% nộp thuế TNDN	1,10	1,10	100%	
	- 10% chi phúc lợi	9,10	9,10	100%	
5.1.7	Số dư cuối năm	3,89	3,89	100%	
				
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
6.1	BHYT				
6.1.1	Số học sinh: 942 hs				
6.1.2	Mức thu: 563.220đ/hs/ năm				
6.1.3	Tổng thu	530,55	530,55	100%	
6.1.4	Đã chi	530,55	530,55	100%	
6.1.5	Dư				
6.2	Vòng tay bè bạn (quỹ đội)				
6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	12,71	12,71	100%	
6.2.2	Số học sinh: 1.017 hs				
6.2.3	Mức thu: 10 đến 15 Kg giấy vụn/hs				
6.2.4	Tổng thu	28,90	28,90	100%	
6.2.5	Đã chi	33,45	33,45	100%	
6.2.6	Dư	8,15	8,15	100%	

6.3	Nước uống học sinh				
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	15,05	15,05	100%	
6.3.2	Số học sinh: 1.017 hs				
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng				
6.3.4	Tổng thu	77,28	77,28	100%	
6.3.5	Đã chi	89,90	89,90	100%	
6.3.6	Dư	2,43	2,43	100%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
6				
				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				

I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.449,49	5.449	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	4.833,61	4.833,61	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	426,65	426,65	100%	
	Chi mua sắm sửa chữa	72,27	72,27	100%	
	Chi khác	116,96	116,96	100%	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.440,95	1.440,95	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	823,58	823,58	100%	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa	617,36	617,36	100%	
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				

Quán Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Minh Hiền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Duyên

UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG THCS QUÁN TOÀN

Biểu mẫu 6.5

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí, năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	256.428.519	
1,2	Mức thu		
1,3	Tổng số thu trong năm	824.145.522	
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.080.574.041	
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	1.080.574.041	
1,6	Số chi trong năm	469.748.954	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	87.608.282	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	151.077.500	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	160.950.299	
	- Chi khác	70.112.873	
1,7	Số dư cuối năm	610.825.087	
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD		
1,8	Chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)		
2	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2,1	Dạy thêm học thêm		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	107.300.706	
2.1.2	Mức thu		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.644.416.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.751.716.706	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	2.737.774.806	
2.1.6	Số chi trong năm	2.601.029.064	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.814.069.376	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	129.922.000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	338.398.271	
	- Chi phúc lợi	216.577.000	
	- Chi khác:.....	49.173.000	
	- Nộp 2% thuế TNDN	52.889.417	
2.1.7	Số dư cuối năm	150.687.642	
2,2	Học nghề tin		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	28.440.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	28.440.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	28.440.000	

2.1.6	Số chi trong năm	19.998.000
	Trong đó: - Chi sửa chữa, tăng cường CSVC	19.998.000
	- 100% hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy tin học	
2.1.7	Số dư cuối năm	8.442.000
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	Tài trợ giáo dục	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	170.000
3.1.2	Tổng số thu trong năm	44.000.000
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	44.170.000
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	44.000.000
3.1.5	Số chi trong năm	39.800.000
	Trong đó: - Sách, tài liệu cho học sinh học tiếng Hàn	31.400.000
	- Hỗ trợ trợ giảng cho giao viên người Hàn	8.400.000
3.1.6	Số dư cuối năm	4.370.000
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1.	Trông giữ xe	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	5.359.000
4.1.2	Mức thu	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	63.870.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	69.229.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	65.697.000
4.1.6	Số chi trong năm	57.527.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	48.870.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	6.387.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	2.270.000
4.1.7	Số dư cuối năm	11.702.000
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Tiếng Hàn	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7.092.000
5.1.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	82.280.000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	89.372.000
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	89.372.000
5.1.6	Số chi trong năm	85.480.000
	Trong đó: - 80% trả tiết thừa, lên lớp chuyên đề	46.680.000
	- 10% chi quản lý tại trường	12.173.000
	- 18% chi chuyên môn, CSVC, các hoạt động HS lớp Hàn	16.431.000
	- 2% nộp thuế TNDN	1.096.000
	- 10% chi phúc lợi	9.100.000
5.1.7	Số dư cuối năm	3.892.000

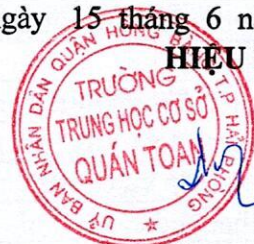
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: <i>Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu</i>		
	<i>thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
6.1	BHYT		
6.1.1	Số học sinh: 942 hs		
6.1.2	Mức thu: 563.220đ/hs/ năm		
6.1.3	Tổng thu	530.553.240	
6.1.4	Đã chi	530.553.240	
6.1.5	Dư		
6.2	Vòng tay bè bạn (quỹ đội)		
6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.706.500	
6.2.2	Số học sinh: 1.017 hs		
6.2.3	Mức thu: 10 đến 15 Kg giấy vụn/hs		
6.2.4	Tổng thu	28.895.000	
6.2.5	Đã chi	40.125.000	
6.2.6	Dư	1.476.500	
6.3	Nước uống học sinh		
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	15.050.000	
6.3.2	Số học sinh: 1.017 hs		
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng		
6.3.4	Tổng thu	77.280.000	
6.3.5	Đã chi	89.901.000	
6.3.6	Dư	2.429.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
1	Chi sự nghiệp		
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác		
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác		
2	Chi quản lý hành chính		
2,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác		
2,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		

	Chi khác		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
1	Học phí		
2	Học nghề		
3	Học Tiếng anh		
4	Học kỹ năng sống		
5	Trông giữ xe		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.890.438.100	
1	Chi quản lý hành chính		
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác		
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
	Chi thanh toán cá nhân		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi tham quan học tập		
	Chi mua sắm sửa chữa		
	Chi khác		
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.449.492.600	
	Chi thanh toán cá nhân	4.833.614.000	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	426.645.000	
	Chi mua sắm sửa chữa	72.269.600	
	Chi khác	116.964.000	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.440.945.500	
	Chi thanh toán cá nhân	823.584.000	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn		
	Chi mua sắm sửa chữa	617.361.500	
	Chi khác		
II	Nguồn viện trợ		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
1,1	Dự án A		
1,2	Dự án B		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
1,1	Dự án A		
1,2	Dự án B		

Quản Toan, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG


Đỗ Thị Minh Hiền

Phạm Thị Duyên